TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 51/2023/QĐST-DS	*Tp. Trà Vinh, ngày 15 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 223/2019/TLST-DS, ngày 29 tháng 81 năm 2019.

Xét thấy: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1979, địa chỉ: Số R, khóm E, phường M, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Trần Vũ G, sinh năm 1989, địa chỉ: Số 113/10, đường Q, Khóm X, phường M, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/- Ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1977, địa chỉ: Số R, khóm E, phường M, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho ông K là bà Lê Thị B, sinh năm 1979, địa chỉ: Số R, khóm E, phường M, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2021.

2/- Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1964, địa chỉ: Số 113/10, đường Q, khóm X, phường M, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà N là ông Trần Vũ G, sinh năm 1989, địa chỉ: Số 113/10, đường Q, Khóm X, phường M, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2021.

3/- Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, địa chỉ: Số F, đường H, phường A, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Ngọc C, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, địa chỉ: Số F, đường H, phường A, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền số: 1481/UQ-UBND, ngày 13/5/2021.

4/- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, địa chỉ: Số P, D, khóm X, phường Z, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh là ông Nguyễn Minh S, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai, địa chỉ: Số P, D, khóm L, phường Z, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền số: 1612/STNMT-VP, ngày 29/6/2021.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bị đơn ông Trần Vũ G và nguyên đơn bà Lê Thị B thống nhất phần đất tranh chấp 13,1m^2, thuộc thửa 203, tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại khóm X, phường M, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mà ông G đã xây dựng nhà trên đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn bà Lê Thị B.

- Nguyên đơn bà Lê Thị B đồng ý giao phần đất diện tích 13,1m^2, thuộc thửa 203, tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại khóm X, phường M, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mà bị đơn ông Trần Vũ G đã sử dụng và xây nhà trên đất cho ông G tiếp tục sử dụng. Đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa số 203, có số đo 20,95m;

Phía Tây giáp thửa số 271, có số đo 20,95m;

Phía Nam giáp thửa số 21, có số đo 0,9m;

Phía Bắc giáp đường nhựa có số đo 0,35m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất Công văn số: 263/CNTPTV, ngày 27/5/2020)

- Bị đơn ông Trần Vũ G tự nguyện thanh toán tiền giá trị quyền sử dụng đối với phần diện tích đất 13,1m^2 thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại khóm X, phường M, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cho nguyên đơn bà Lê Thị B với số tiền là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

- Thời gian và phương thức thanh toán: Hai bên thỏa thuận do cơ quan thi hành án thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng tổng cộng là: 6.650.000 (sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng, bị đơn ông Trần Vũ G tự nguyện chịu toàn bộ nên ông G phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị B 6.650.000 (sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà B được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà bà B đã nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng, trong đó nhận tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh số tiền 3.350.000 (ba triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng và nhận từ ông G số tiền 6.650.000 (sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Về án phí Dân sự sơ thẩm: 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng. Bị đơn ông Trần Vũ G phải nộp 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, nguyên đơn bà Lê Thị B phải nộp 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng ông G tự nguyện đồng ý nộp thay cho bà B nên ông G phải nộp toàn bộ là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn bà Lê Thị B không phải nộp tiền án phí nên được nhận lại số tiền mà bà B đã nộp 500.000 (năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số: 0004330, ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục Thi hành án DS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Chi